

**CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN
BINH DIEN FERTILIZER
JOINT STOCK COMPANY**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2025
Ho Chi Minh City, March 11, 2025*

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE**

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
To: State Securities Commission of Vietnam
Hochiminh Stock Exchange**

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**
Name of organization: BINH DIEN FERTILIZER JOINT STOCK COMPANY

- Mã chứng khoán/ Stock code: **BFC**

- Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh
Address: C12/21, National Road 1A, Tan Kien Commune, Binh Chanh District, Ho Chi Minh City

- Điện thoại liên hệ/ Tel.: (84-28) 3756 0110 Fax: (84-28) 3756 0799

- E-mail: phanbon@binhdien.com Website: www.binhdien.com

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

Báo cáo tài chính kiểm toán độc lập riêng và hợp nhất năm 2024 của Công ty cổ phần Phân bón Bình Điền, bao gồm giải trình lợi nhuận năm 2024 so với năm 2023 trong thuyết minh báo cáo tài chính.

Independent auditor's report on separate and consolidated financial statements for 2024 of Binh Dien Fertilizer Joint Stock Company, including the explanation of the profit for 2024 compared to 2023 in the notes to the financial statements.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 11/03/2025 tại đường dẫn www.binhdien.com.

This information was published on the company's website on March 11, 2025, as in the link www.binhdien.com.



Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

- Báo cáo tài chính kiểm toán độc lập năm 2024.
- *Independent auditor's report on financial statements for 2024.*

CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Digitally signed by CÔNG
TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN
BÌNH ĐIỀN

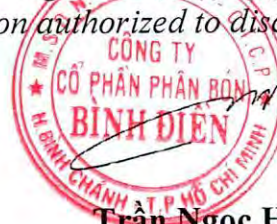
Date: 2025.03.11 13:20:20
+07'00'

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người được ủy quyền CBTT

Person authorized to disclose information



Trần Ngọc Hùng



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)
Công ty thành viên của JPA International
Trụ sở chính : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM
Tel : +84 (28) 3859 4168 Fax : +84 (28) 3859 2285
Email : contact@vietvalues.com Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH - RIÊNG

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 05
2. Báo cáo kiểm toán độc lập (riêng)	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán (riêng) tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	08 - 09
4. Kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (riêng) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính (riêng) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	12 – 36
7. Phụ lục số 01: Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	37



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính (riêng) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán của Công ty.

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền (tên giao dịch là: Binh Dien Fertilizer Joint Stock Company, tên gọi tắt là BFC) là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ doanh nghiệp nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 356/QĐ-HCVN ngày 6 tháng 6 năm 2008 của Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam (nay là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam) về việc cổ phần hóa Công ty Phân bón Bình Điền.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302975517 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 25 tháng 01 năm 2011.

Trong quá trình hoạt động công ty đã được cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 5 ngày 25 tháng 07 năm 2023.

Vốn điều lệ : 571.679.930.000 đồng (năm trăm bảy mươi một tỷ sáu trăm bảy mươi chín triệu chín trăm ba mươi ngàn đồng).

Công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là BFC.

2. Trữ sở hoạt động

• Trữ sở chính

Địa chỉ : C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh.
Điện thoại : +84 (28) – 3756 0110
Fax : +84 (28) – 3756 0799
Mã số thuế : 0 3 0 2 9 7 5 5 1 7

• Thông tin về đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy phân bón Bình Điền Long An	Khu công nghiệp Long Định, xã Long Định, huyện Cần Đức, tỉnh Long An

• Thông tin về công ty con

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Số cuối năm			Số đầu năm		
				Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An	Khu Công nghiệp Long Định-Long Cang, xã Long Định, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, Việt Nam	Thể thao, quảng cáo	100%	100%	100%	100%	100%	100%
2.	Công ty Cổ phần Bình Điền Lâm Đồng	Quốc lộ 20, xã Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%	51%	51%	51%
3.	Công ty Cổ phần Bình Điền Mekong	Lô A10.1, đường D3, KCN Thành Thành Công, phường An Hòa, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%	51%	51%	51%

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Số cuối năm			Số đầu năm		
				Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
4.	Công ty Cổ phần Bình Điền Quảng Trị	Lô 22 Khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Châu, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%	51%	51%	51%
5.	Công ty Cổ phần Bình Điền Ninh Bình	Khu công nghiệp Khánh Phú, xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%	51%	51%	51%

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh các loại phân bón vô cơ, hữu cơ, vi sinh, vi lượng, các chất điều hòa tăng trưởng cho cây trồng, vật nuôi;
- Nghiên cứu sản xuất các loại phân bón (không sản xuất tại trụ sở doanh nghiệp);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón, công cụ máy nông nghiệp, giống cây trồng và các loại nông sản;
- Kinh doanh bất động sản, địa ốc.

4. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

- Hội đồng Quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Thiệu	Chủ tịch	29/04/2022	
Ông Đỗ Quang Huy	Thành viên	24/06/2020	
Ông Ngô Văn Đông	Thành viên	24/06/2020	
Ông Lê Quốc Phong	Thành viên	24/06/2020	
Ông Nguyễn Bảo Vệ	Thành viên	28/04/2023	

- Ban Kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trương Minh Phú	Trưởng ban	24/06/2020	
Ông Nguyễn Huy Hiếu	Thành viên	24/06/2020	
Ông Quản Đình Gang	Thành viên	24/06/2020	

- Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Ngô Văn Đông	Tổng Giám đốc	30/12/2020	
Ông Phan Văn Tâm	Phó Tổng Giám đốc	17/10/2023	
Ông Võ Văn Phú	Phó Tổng Giám đốc	21/05/2021	
Ông Trần Ngọc Hùng	Kế toán trưởng	01/09/2022	

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Ngô Văn Đông – Tổng Giám đốc Công ty.

6. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được thể hiện trong Báo cáo tài chính (riêng) từ trang 08 đến trang 37.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính (riêng) của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc giai đoạn tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (riêng).

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính (riêng) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính (riêng) phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong giai đoạn tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính (riêng) này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính (riêng);
- Lập Báo cáo tài chính (riêng) trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng).

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng).

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng).

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

10. Phê duyệt các Báo cáo tài chính (riêng)

Chúng tôi, các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt các Báo cáo tài chính (riêng) kèm theo. Các báo cáo này đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng).



TM. Ban Tổng Giám đốc

NGÔ VĂN ĐÔNG

Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 3 năm 2025.

Số 2067/25/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính (riêng) kèm theo của Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 03 tháng 3 năm 2025, từ trang 08 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán (riêng) tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (riêng), Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (riêng) và Thuyết minh báo cáo tài chính (riêng) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính (riêng) theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính (riêng) chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính (riêng) không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính (riêng) dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính (riêng) của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính (riêng). Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính (riêng) do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính (riêng) trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính (riêng).

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính (riêng) đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính (riêng) của Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) và tình hình lưu chuyển tiền tệ (riêng) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng).

Vấn đề khác

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo kiểm toán độc lập rằng, phạm vi của báo cáo tài chính (riêng) này chỉ phản ánh tình hình tài chính (riêng) và các khoản đầu tư theo phương pháp giá gốc của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả kinh doanh (riêng) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Việc hợp nhất báo cáo tài chính (riêng) của Công ty với các công ty con không thuộc phạm vi báo cáo này.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 3 năm 2025

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Trần Văn Hiệp – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN số 2141-2023-071-1
Chữ ký được ủy quyền

A blue handwritten signature.

Nguyễn Thị Tuyết Vân – Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN số 2839-2025-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VIETVALUES.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (RIÊNG)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.511.686.046.368	1.314.892.446.911
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	413.637.226.458	464.545.889.940
111	1. Tiền		113.637.226.458	199.545.889.940
112	2. Các khoản tương đương tiền		300.000.000.000	265.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		345.293.725.409	310.614.267.510
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	269.049.120.278	222.548.094.232
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	4.209.276.688	8.866.519.892
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.4a	72.737.364.278	79.901.689.221
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	V.5	(702.035.835)	(702.035.835)
140	IV. Hàng tồn kho	V.6	720.082.108.368	513.624.920.107
141	1. Hàng tồn kho		720.082.108.368	513.624.920.107
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		32.672.986.133	26.107.369.354
152	1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		32.647.540.526	24.877.647.600
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.13	25.445.607	1.229.721.754
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		478.808.720.268	490.453.927.523
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		3.971.841.545	3.874.502.545
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.4b	3.971.841.545	3.874.502.545
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		-	-
220	II. Tài sản cố định		334.259.211.995	315.433.959.161
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.7	155.023.798.580	132.910.788.098
222	- Nguyên giá		450.501.056.813	411.242.812.657
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(295.477.258.233)	(278.332.024.559)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	V.8	3.020.830.850	3.680.876.726
225	- Nguyên giá		4.620.321.100	4.620.321.100
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1.599.490.250)	(939.444.374)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.9	176.214.582.565	178.842.294.337
228	- Nguyên giá		205.758.734.308	205.758.734.308
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(29.544.151.743)	(26.916.439.971)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		4.663.245.300	37.384.214.687
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.10	4.663.245.300	37.384.214.687
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.11	121.098.526.768	121.618.538.230
251	1. Đầu tư vào công ty con		115.937.211.500	115.937.211.500
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		11.661.918.871	11.661.918.871
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		(6.500.603.603)	(5.980.592.141)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		14.815.894.660	12.142.712.900
262	1. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		14.815.894.660	12.142.712.900
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.990.494.766.636	1.805.346.374.434

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (RIÊNG) (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		894.606.510.836	848.570.168.363
310	I. Nợ ngắn hạn		893.983.140.836	847.143.053.363
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.12	264.076.517.677	85.048.114.563
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		51.827.291	512.747.565
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.13	133.702.239.363	117.629.222.563
314	4. Phải trả người lao động	V.14	59.388.493.550	49.516.146.153
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.15	116.050.423.348	102.947.240.063
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.16	10.829.165.583	35.364.973.123
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.17a	290.085.262.650	440.172.928.770
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.18	19.799.211.374	15.951.680.563
330	II. Nợ dài hạn		623.370.000	1.427.115.000
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.17b	623.370.000	1.427.115.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.095.888.255.800	956.776.206.071
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.19	1.095.888.255.800	956.776.206.071
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		571.679.930.000	571.679.930.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		571.679.930.000	571.679.930.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		159.164.641.339	149.568.442.914
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		10.145.220.457	10.145.220.457
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		354.898.464.004	225.382.612.700
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		81.951.031.424	62.042.640.686
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		272.947.432.580	163.339.972.014
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.990.494.766.636	1.805.346.374.434

Người lập biểu



HUỖNH THỊ LAN ANH

Kế toán trưởng



TRẦN NGỌC HÙNG

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 3 năm 2025

Tổng Giám đốc




NGÔ VĂN ĐÔNG

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (RIÊNG)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	5.921.464.779.833	4.938.285.914.658
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.2	74.079.473.300	60.713.564.500
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		5.847.385.306.533	4.877.572.350.158
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.3	4.898.515.509.972	4.211.875.346.432
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		948.869.796.561	665.697.003.726
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	44.262.420.674	53.404.979.626
22	7. Chi phí tài chính	VI.5	23.042.697.119	39.501.439.595
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		14.826.296.765	36.703.999.229
25	8. Chi phí bán hàng	VI.6	479.820.955.231	354.407.557.402
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.7	109.278.659.203	87.677.614.008
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		380.989.905.682	237.515.372.347
31	11. Thu nhập khác	VI.8	1.127.025.028	36.129.492
32	12. Chi phí khác	VI.9	5.903.024.566	63.065.799
40	13. Lợi nhuận khác		(4.775.999.538)	(26.936.307)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		376.213.906.144	237.488.436.040
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.13	77.355.658.824	46.418.715.626
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		(2.673.181.760)	(854.248.100)
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		301.531.429.080	191.923.968.514
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.10	-	-
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.10	-	-

Người lập biểu

HUỲNH THỊ LAN ANH

Kế toán trưởng

TRẦN NGỌC HÙNG

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 3 năm 2025

Tổng Giám đốc



NGÔ VĂN ĐÔNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (RIÊNG)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

ĐVT: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế	V.13	376.213.906.144	237.488.436.040
	2. Điều chỉnh cho các khoản		20.056.930.002	51.700.921.906
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.7; V.8; V.9	27.130.866.973	49.645.800.196
03	- Các khoản dự phòng	V.11	520.011.462	364.720.372
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(263.086.430)	12.808.867
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	VI.4; VI.8	(22.157.158.768)	(35.026.406.758)
06	- Chi phí lãi vay	VI.5	14.826.296.765	36.703.999.229
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		396.270.836.146	289.189.357.946
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(43.752.509.008)	36.612.688.378
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(206.457.188.261)	282.098.118.254
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		206.874.082.391	34.263.399.461
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		-	1.710.047.288
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(14.826.296.765)	(36.703.999.229)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.13	(59.892.340.173)	(35.797.832.982)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	V.18	(15.651.866.040)	(13.791.755.950)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		262.564.718.290	557.580.023.166
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(13.235.150.420)	(7.025.941.946)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	VI.8	1.080.600.001	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	VI.4	21.076.558.767	35.026.406.758
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		8.922.008.348	28.000.464.812
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	V.17	1.153.315.026.100	1.388.900.283.830
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	V.17	(1.303.041.942.220)	(1.766.597.593.104)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	V.17	(1.164.495.000)	(541.125.000)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.19c	(171.503.979.000)	(114.335.986.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(322.395.390.120)	(492.574.420.274)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (20+30+40)		(50.908.663.482)	93.006.067.704
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	V.1	464.545.889.940	371.552.631.103
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		59.707.910	(12.808.867)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	413.637.226.458	464.545.889.940

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

HUỖNH THỊ LAN ANH

TRẦN NGỌC HÙNG

NGÔ VĂN ĐÔNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính (riêng) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty CP Phân bón Bình Điền (sau đây gọi tắt là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh các loại phân bón vô cơ, hữu cơ, vi sinh, vi lượng, các chất điều hòa tăng trưởng cho cây trồng, vật nuôi;
- Nghiên cứu sản xuất các loại phân bón (không sản xuất tại trụ sở doanh nghiệp);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón, công cụ máy nông nghiệp, giống cây trồng và các loại nông sản;
- Kinh doanh bất động sản, địa ốc.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Số cuối năm			Số đầu năm		
			Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1. Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An	Khu Công nghiệp Long Định-Long Cang, xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, Việt Nam	Thể thao, quảng cáo	100%	100%	100%	100%	100%	100%
2. Công ty Cổ phần Bình Điền Lâm Đồng	Quốc lộ 20, xã Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%	51%	51%	51%
3. Công ty Cổ phần Bình Điền Mekong	Lô A10.1, đường D3, KCN Thành Thành Công, phường An Hòa, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%	51%	51%	51%
4. Công ty Cổ phần Bình Điền Quảng Trị	Lô 22 Khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Châu, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%	51%	51%	51%

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Số cuối năm			Số đầu năm		
			Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
5.Công ty Cổ phần Bình Điền Ninh Bình	Khu công nghiệp Khánh Phú, xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%	51%	51%	51%

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy Phân bón Bình Điền Long An	Khu Công nghiệp Long Định, xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 456 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 428 nhân viên).

7. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính (riêng)

Năm nay, giá bán bình quân giảm khoảng 6% nhưng sản lượng tiêu thụ lại tăng 25% so với năm trước, vì vậy doanh thu bán hàng năm nay tăng gần 20%. Ngoài ra, chi phí lãi vay năm nay giảm 60% do đã tắt toán một số khoản nợ vay dẫn đến lợi nhuận hoạt động của Công ty năm nay tăng 57% so với năm trước.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024).

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính (riêng) được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính này chỉ lập riêng cho công ty mẹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính (riêng) của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa Công ty và đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính (riêng).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân (X) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp

thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30
Máy móc và thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán của công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 06 năm.

8. Tài sản thuê tài chính

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê.

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận là tài sản và nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán với cùng một giá trị bằng với giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

Nếu giá trị hợp lý của tài sản thuê cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản thì ghi nhận theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

Khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc. Chi phí tài chính được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê theo tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư còn lại cho mỗi kỳ kế toán.

Các tài sản thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc theo thời gian thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể là phương tiện vận tải được khấu hao với thời gian là 07 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm: phân bón các loại,...

Hàng hóa, thành phẩm của công ty là phân bón nguyên liệu và thành phẩm.

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu phí thương hiệu

Doanh thu phí thương hiệu được xác định với tỷ lệ 1,0% trên doanh thu bán ra sản phẩm thương hiệu đầu trâu của các công ty con.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

14. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong kỳ bao gồm các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại.

15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, thành phẩm, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

16. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán bằng ngoại tệ, lỗ tỉ giá hối đoái đánh giá cuối kỳ.

17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (RIÊNG) (ĐVT: VND)**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	233.922.705	506.829.829
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn ⁽¹⁾	113.403.303.753	199.039.060.111
Các khoản tương đương tiền ⁽²⁾	300.000.000.000	265.000.000.000
Cộng	413.637.226.458	464.545.889.940

⁽¹⁾ Chi tiết gồm:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN TP.HCM	61.050.745.990	107.890.116.347
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Bến Nghé	17.002.647.590	16.536.323.853
Các ngân hàng khác	35.349.910.173	74.612.619.911
Cộng	113.403.303.753	199.039.060.111

⁽²⁾ Là các khoản tiền gửi kỳ hạn 1 tháng tại các ngân hàng với lãi suất từ 2,6% - 5,5%, chi tiết gồm:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN TP.HCM	200.000.000.000	180.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Bến Nghé	100.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN TP.HCM	-	85.000.000.000
Cộng	300.000.000.000	265.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Chủ yếu là phải thu thương mại mua bán phân bón các loại.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu khách hàng là bên liên quan</i>	<i>5.179.300.000</i>	<i>214.341.500</i>
Công ty CP Bình Điền MeKong	5.179.300.000	214.341.500
<i>Phải thu khách hàng không là bên liên quan</i>	<i>263.869.820.278</i>	<i>222.333.752.732</i>
Công ty TNHH Yetak – Cambodia	68.168.104.620	62.914.297.600
Công ty TNHH MTV Kim Hoàng Đồng Tháp	29.827.791.750	-
Công ty TNHH TM DV Phân bón Tuấn Vũ	29.474.356.800	24.763.782.850
Phải thu các khách hàng khác	136.399.567.108	134.655.672.282
Cộng	269.049.120.278	222.548.094.232

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho người bán là bên liên quan</i>	<i>1.619.305.309</i>	<i>2.629.005.309</i>
Công ty CP DAP số 2 – Vinachem	1.619.305.309	2.629.005.309
<i>Trả trước cho người bán không là bên liên quan</i>	<i>2.589.971.379</i>	<i>6.237.514.583</i>
Trả trước cho các người bán khác	2.589.971.379	6.237.514.583
Cộng	4.209.276.688	8.866.519.892

4. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác**4.a Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu khác là bên liên quan</i>	<i>61.783.026.599</i>	-	<i>69.144.900.499</i>	-
Công ty CP Bình Điền MeKong (phải thu phí thương hiệu, lãi chậm thanh toán)	41.238.396.231	-	44.437.617.983	-
Công ty CP Bình Điền Ninh Bình (phải thu phí thương hiệu, thu khác)	8.152.970.086	-	10.059.022.840	-
Công ty CP Bình Điền Lâm Đồng (phải thu phí thương hiệu)	7.650.958.355	-	7.904.659.318	-
Công ty CP Bình Điền Quảng Trị (phải thu phí thương hiệu, lãi chậm thanh toán)	4.740.701.927	-	5.926.602.008	-
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	-	-	816.998.350	-
<i>Phải thu khác không là bên liên quan</i>	<i>10.954.337.679</i>	-	<i>10.756.788.722</i>	-
Tạm ứng của nhân viên	632.659.145	-	829.154.858	-
Các khoản phải thu khác	10.321.678.534	-	9.927.633.864	-
Cộng	72.737.364.278	-	79.901.689.221	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

4.b Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu khác là bên liên quan</i>	3.834.841.545	-	3.737.502.545	-
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	3.834.841.545	-	3.737.502.545	-
<i>Phải thu khác không là bên liên quan</i>	137.000.000	-	137.000.000	-
Phải thu dài hạn khác	137.000.000	-	137.000.000	-
Cộng	3.971.841.545	-	3.874.502.545	-

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Khả năng thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Khả năng thu hồi	Dự phòng
<i>Dự phòng phải thu là bên liên quan</i>	-	-	-	-	-	-
<i>Dự phòng phải thu không là bên liên quan</i>	702.035.835	-	(702.035.835)	702.035.835	-	(702.035.835)
Ban tự quản Buôn Eana (phải thu thương mại)	438.623.835	-	(438.623.835)	438.623.835	-	(438.623.835)
Các đối tượng khác	263.412.000	-	(263.412.000)	263.412.000	-	(263.412.000)
Cộng	702.035.835	-	(702.035.835)	702.035.835	-	(702.035.835)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(702.035.835)	(702.035.835)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối năm	(702.035.835)	(702.035.835)

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu ⁽¹⁾	483.654.244.148	-	297.823.207.452	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	77.558.913.193	-	93.383.941.872	-
Thành phẩm ⁽²⁾	108.434.009.476	-	90.999.526.103	-
Hàng hóa	6.378.697.456	-	7.093.700.443	-
Hàng hóa đang đi đường ⁽³⁾	44.056.244.095	-	24.324.544.237	-
Cộng	720.082.108.368	-	513.624.920.107	-

⁽¹⁾ Nguyên liệu, vật liệu chủ yếu là nguyên liệu phân bón các loại: U-rê, DAP, cao lanh,...⁽²⁾ Thành phẩm là phân bón các loại.⁽³⁾ Hàng hóa trên đường vận chuyển để xuất khẩu.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<i>Nguyên giá</i>					
Số đầu năm	208.740.842.495	178.948.693.951	15.298.351.903	8.254.924.308	411.242.812.657
Tăng trong năm	3.282.349.946	45.937.841.296	3.769.851.500	698.107.500	53.688.150.242
- Tăng do mua mới	-	2.613.634.420	3.769.851.500	698.107.500	7.081.593.420
- XDCB hoàn thành	3.282.349.946	35.592.176.441	-	-	38.874.526.387
- Tăng khác (*)	-	7.732.030.435	-	-	7.732.030.435
Giảm trong năm	(7.732.030.435)	(2.441.800.000)	(4.256.075.651)	-	(14.429.906.086)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.441.800.000)	(4.256.075.651)	-	(6.697.875.651)
- Giảm khác (*)	(7.732.030.435)	-	-	-	(7.732.030.435)
Số cuối năm	204.291.162.006	222.444.735.247	14.812.127.752	8.953.031.808	450.501.056.813
<i>Trong đó nguyên giá đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	50.931.828.783	75.050.413.434	12.987.174.903	4.770.744.726	143.740.161.846
<i>Giá trị hao mòn</i>					
Số đầu năm	134.093.012.766	123.671.233.573	14.146.449.607	6.421.328.613	278.332.024.559
Tăng trong năm	9.440.463.319	20.210.304.884	868.718.364	803.567.787	31.323.054.354
- Khấu hao trong năm	9.440.463.319	12.730.359.858	868.718.364	803.567.787	23.843.109.328
- Tăng khác (*)	-	7.479.945.026	-	-	7.479.945.026
Giảm trong năm	(7.479.945.029)	(2.441.800.000)	(4.256.075.651)	-	(14.177.820.680)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.441.800.000)	(4.256.075.651)	-	(6.697.875.651)
- Giảm khác (*)	(7.479.945.029)	-	-	-	(7.479.945.029)
Số cuối năm	136.053.531.056	141.439.738.457	10.759.092.320	7.224.896.400	295.477.258.233
<i>Giá trị còn lại</i>					
Số đầu năm	74.647.829.729	55.277.460.378	1.151.902.296	1.833.595.695	132.910.788.098
Số cuối năm	68.237.630.950	81.004.996.790	4.053.035.432	1.728.135.408	155.023.798.580

(*) Điều chỉnh phân loại tài sản.

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình dùng thế chấp đảm bảo cho khoản vay: 0 đồng.

8. Tài sản cố định thuê tài chính

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
<i>Nguyên giá</i>		
Số đầu năm	4.620.321.100	4.620.321.100
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	4.620.321.100	4.620.321.100
<i>Trong đó nguyên giá đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	-
<i>Giá trị hao mòn</i>		
Số đầu năm	939.444.374	939.444.374
Khấu hao trong năm	660.045.876	660.045.876
Số cuối năm	1.599.490.250	1.599.490.250
<i>Giá trị còn lại</i>		
Số đầu năm	3.680.876.726	3.680.876.726
Số cuối năm	3.020.830.850	3.020.830.850

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất lâu dài (*)	Phần mềm kế toán	Cộng
<i>Nguyên giá</i>			
Số đầu năm	201.311.157.308	4.447.577.000	205.758.734.308
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	201.311.157.308	4.447.577.000	205.758.734.308
<i>Trong đó nguyên giá đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>		163.777.000	163.777.000
<i>Giá trị hao mòn</i>			
Số đầu năm	25.623.374.392	1.293.065.579	26.916.439.971
Khấu hao trong năm	1.983.745.116	643.966.656	2.627.711.772
Số cuối năm	27.607.119.508	1.937.032.235	29.544.151.743
<i>Giá trị còn lại</i>			
Số đầu năm	175.687.782.916	3.154.511.421	178.842.294.337
Số cuối năm	173.704.037.800	2.510.544.765	176.214.582.565

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định vô hình dùng thế chấp đảm bảo cho khoản vay: 0 đồng.

(*) Quyền sử dụng đất cuối năm bao gồm:

- Khu đất tọa lạc tại C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. Giá trị đất được ghi nhận theo Quyết định số 32/QĐ-BTC ngày 03/01/2007 của Bộ Tài chính và Văn bản số 9402/BTC-QLCS ngày 12/8/2008 của Bộ Tài chính về việc phê duyệt phương án xử lý tổng thể các cơ sở nhà đất của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (Tổng công ty Hóa chất Việt Nam trước đây) tại Tp. Hồ Chí Minh. Năm 2019, Công ty đã di dời, không hoạt động trên khu đất này. Hiện nay, Nhà nước đang làm thủ tục thu hồi lại khu đất này.

- Quyền sử dụng đất số T00080/QSĐĐ/0401-LA tọa lạc tại xã Long Định, huyện Cần Đức, Long An.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ/chi phí trong năm	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang	37.384.214.687	96.950.000	(32.817.919.387)	4.663.245.300
Sửa chữa lớn TSCĐ	-	40.057.154.200	(40.057.154.200)	-
Cộng	37.384.214.687	40.154.104.200	(72.875.073.587)	4.663.245.300

11. Đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty là các khoản đầu tư góp vốn các công ty con và các đơn vị khác.
Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

Chỉ tiêu	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	115.937.211.500	115.937.211.500	-	115.937.211.500	115.937.211.500	-
Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An ⁽¹⁾	5.000.000.000	5.000.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000	-
Công ty CP Bình Điền Lâm Đồng ⁽²⁾	27.138.986.173	27.138.986.173	-	27.138.986.173	27.138.986.173	-
Công ty CP Bình Điền Mekong ⁽³⁾	16.147.753.280	16.147.753.280	-	16.147.753.280	16.147.753.280	-
Công ty CP Bình Điền Quảng Trị ⁽⁴⁾	16.650.472.047	16.650.472.047	-	16.650.472.047	16.650.472.047	-
Công ty CP Bình Điền Ninh Bình ⁽⁵⁾	51.000.000.000	51.000.000.000	-	51.000.000.000	51.000.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	11.661.918.871	5.161.315.268	(6.500.603.603)	11.661.918.871	5.681.326.730	(5.980.592.141)
Công ty CP Du lịch Sài Gòn – Đông Hà ⁽⁶⁾	11.661.918.871	5.161.315.268	(6.500.603.603)	11.661.918.871	5.681.326.730	(5.980.592.141)
Cộng	127.599.130.371	121.098.526.768	(6.500.603.603)	127.599.130.371	121.618.538.230	(5.980.592.141)

(*) Đối với cổ phiếu có giá giao dịch, giá trị hợp lý được xác định theo giá đóng cửa tại ngày 31/12/2024 của các Sở giao dịch chứng khoán. Đối với cổ phiếu chưa lưu ký và không có giá giao dịch, giá trị hợp lý được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc khoản đầu tư với mức dự phòng. Mức dự phòng được xác định dựa vào Báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

(1) Là khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An có trụ sở chính tại Khu công nghiệp Long Định - Long Cang, xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, với tỷ lệ góp vốn 100,00% vốn điều lệ.

(2) Là khoản đầu tư vào Công ty CP Bình Điền Lâm Đồng, có trụ sở chính đặt tại Quốc lộ 20, xã Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng, với tỷ lệ vốn góp là 51,00% vốn điều lệ.

(3) Là khoản đầu tư vào Công ty CP Bình Điền MeKong có trụ sở chính đặt tại Lô A10.1, đường D3, KCN Thành Thành Công, phường An Hòa, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, với tỷ lệ vốn góp là 51,00% vốn điều lệ.

(4) Là khoản đầu tư vào Công ty CP Bình Điền Quảng Trị, có trụ sở chính đặt tại Lô 22 Khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Châu, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị, với tỷ lệ góp vốn là 51,00% vốn điều lệ.

(5) Là khoản đầu tư vào Công ty CP Bình Điền Ninh Bình, có trụ sở chính tại Khu công nghiệp Khánh Phú, xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, với tỷ lệ góp vốn 51,00% vốn điều lệ.

(6) Là khoản đầu tư vào Công ty CP Du lịch Sài Gòn – Đông Hà, có trụ sở chính đặt tại số 01 Bùi Thị Xuân, phường 2, Tp. Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, với tỷ lệ góp vốn 6,28% vốn điều lệ.

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư vào công ty con, đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(5.980.592.141)	(5.615.871.769)
Trích lập dự phòng bổ sung	(520.011.462)	(364.720.372)
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối năm	(6.500.603.603)	(5.980.592.141)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán là bên liên quan	12.305.782.000	7.697.556.568
Công ty CP DAP – Vinachem	11.422.782.000	-
Công ty CP Bình Điền – MeKong	883.000.000	883.000.000
Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An	-	6.804.000.000
Công ty CP SX TM DV Mai Xá	-	10.556.568
Phải trả người bán không là bên liên quan	251.770.735.677	77.350.557.995
Công ty TNHH TMDV XNK Tường Nguyên	70.149.940.700	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Kim Nông	31.500.934.500	-
Phải trả các người bán khác	150.119.860.477	77.350.557.995
Cộng	264.076.517.677	85.048.114.563

Trong đó: Số nợ quá hạn chưa thanh toán: 0 đồng.

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm			Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Điều chỉnh khác (*)	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT	-	23.941.975	103.283.868	(104.787.500)	-	-	25.445.607
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	68.593.533	(68.593.533)	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.205.779.779	77.355.658.824	(59.892.340.173)	270.800.557	16.528.339.429	-
Thuế thu nhập cá nhân	718.961.275	-	7.569.236.846	(5.801.918.842)	-	2.486.279.279	-
Giá trị quyền sử dụng đất	114.687.620.655	-	3.229.584.960	(3.229.584.960)	-	114.687.620.655	-
Các khoản thuế khác	2.222.640.633	-	4.000.000	(2.226.640.633)	-	-	-
Cộng	117.629.222.563	1.229.721.754	88.330.358.031	(71.323.865.641)	270.800.557	133.702.239.363	25.445.607

(*) Tiền truy thu khi quyết toán lại thuế TNDN năm 2021 và 2022.

13.a Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Mặt hàng phân bón không chịu thuế giá trị gia tăng đầu ra.

13.b Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	376.213.906.144	237.488.436.040
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	82.449.536.569	84.956.516.490
- Các khoản điều chỉnh giảm	(77.968.110.250)	(90.351.374.400)
+ Cổ tức nhận được	(17.254.545.750)	(33.909.050.400)
+ Chiết khấu thanh toán đã xuất hóa đơn	(60.713.564.500)	(56.442.324.000)
Thu nhập tính thuế	380.695.332.463	232.093.578.130
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	76.139.066.493	46.418.715.626
Thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu theo Quyết định 957/QĐ-TCT ngày 19/07/2024	1.216.592.331	-
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	77.355.658.824	46.418.715.626

14. Phải trả người lao động

Là tiền lương, thưởng còn phải trả người lao động.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là khoản trích trước chi phí chiết khấu, khuyến mãi, hỗ trợ bán hàng cho đại lý.

16. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả khác cho các bên liên quan</i>	-	18.673.440.000
Tập đoàn hóa chất Việt Nam (cổ tức)	-	18.579.600.000
Phải trả cổ tức	-	93.840.000
Phải trả khác các cá nhân, tổ chức khác	10.829.165.583	16.691.533.123
Kinh phí công đoàn	1.839.032.151	1.226.529.099
Phải trả cổ tức	-	9.910.556.500
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	8.990.133.432	5.554.447.524
Cộng	10.829.165.583	35.364.973.123

Trong đó: Số nợ quá hạn chưa thanh toán: 0 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn**17a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	289.281.517.650	289.281.517.650	439.008.433.770	439.008.433.770
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Bến Nghé ⁽¹⁾	49.705.651.500	49.705.651.500	122.931.352.400	122.931.352.400
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Tp. HCM ⁽²⁾	31.483.351.500	31.483.351.500	151.220.208.850	151.220.208.850
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tp.HCM ⁽³⁾	93.800.750.000	93.800.750.000	137.639.957.520	137.639.957.520
Ngân hàng TMCP Á Châu CN Bình Tây Tp. HCM ⁽⁴⁾	24.483.182.750	24.483.182.750	27.216.915.000	27.216.915.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – CN3 ⁽⁵⁾	89.808.581.900	89.808.581.900	-	-
<i>Nợ thuê tài chính đến hạn trả ⁽⁶⁾</i>	803.745.000	803.745.000	1.164.495.000	1.164.495.000
Cộng	290.085.262.650	290.085.262.650	440.172.928.770	440.172.928.770

⁽¹⁾ Thông tin khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Bến Nghé như sau:

Hạn mức tín dụng: 400.000.000.000 đồng.

Hình thức vay: tín chấp.

Thời hạn vay: theo từng lần nhận nợ trên giấy nhận nợ, dưới 12 tháng.

Lãi suất: theo từng kế ước nhận nợ.

Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

⁽²⁾ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Tp. HCM như sau:

Hạn mức tín dụng: 550.000.000.000 đồng.

Hình thức vay: tín chấp.

Thời hạn vay: theo từng lần nhận nợ trên giấy nhận nợ, dưới 12 tháng.

Lãi suất: theo từng kế ước nhận nợ.

Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

⁽³⁾ Thông tin khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tp.HCM như sau:

Hạn mức tín dụng: 700.000.000.000 đồng.

Hình thức vay: tín chấp.

Thời hạn vay: theo từng lần nhận nợ trên giấy nhận nợ, dưới 12 tháng.

Lãi suất: theo từng kế ước nhận nợ.

Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

⁽⁴⁾ Thông tin khoản vay Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Bình Tây như sau:

Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng.

Hình thức vay: tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Thời hạn vay: 12 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng.

Lãi suất: theo từng kế ước nhận nợ.

Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

(5) Thông tin khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – CN3 như sau:

Hạn mức tín dụng: 130.000.000.000 đồng.

Hình thức vay: tín chấp.

Thời hạn vay: theo từng lần nhận nợ trên giấy nhận nợ, dưới 12 tháng.

Lãi suất: theo từng kế ước nhận nợ.

Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

(6) Là khoản nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả theo các Hợp đồng sau:

- Hợp đồng cho thuê tài chính số 90.23.10/CTTC ngày 08/12/2023 và Hợp đồng cho thuê tài chính số 90.23.11/CTTC ngày 08/12/2023, với số tiền thuê đến hạn còn phải trả tại ngày 31/12/2024 lần lượt là 271.710.000 đồng và 351.660.000 đồng. Thời hạn cho thuê của các hợp đồng này là 36 tháng, lãi suất xác định bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng hình thức trả lãi sau áp dụng đối với cá nhân do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm giải ngân đầu tiên và các thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 2,6%/năm;

- Hợp đồng cho thuê tài chính số 90.21.01/CTTC ngày 12/01/2021, với số tiền thuê đến hạn còn phải trả tại ngày 31/12/2024 là 180.375.000 đồng, thời hạn cho thuê 48 tháng, lãi suất xác định bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng hình thức trả lãi sau áp dụng đối với cá nhân do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Hồ Chí Minh công bố tại thời điểm giải ngân đầu tiên và các thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 2%/năm.

Tình hình biến động các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Tiền vay phát sinh	Chuyển từ nợ dài hạn sang	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	439.008.433.770	1.153.315.026.100	-	(1.303.041.942.220)	289.281.517.650
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	1.164.495.000	-	803.745.000	(1.164.495.000)	803.745.000
Cộng	440.172.928.770	1.153.315.026.100	803.745.000	(1.304.206.437.220)	290.085.262.650

17b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Nợ thuê tài chính	623.370.000	623.370.000	1.427.115.000	1.427.115.000
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Việt Nam – CN Tp. HCM (*)	623.370.000	623.370.000	1.427.115.000	1.427.115.000
Cộng	623.370.000	623.370.000	1.427.115.000	1.427.115.000

(*) Là khoản nợ thuê tài chính dài hạn theo các Hợp đồng cho thuê tài chính số 90.23.10/CTTC ngày 08/12/2023 và Hợp đồng cho thuê tài chính số 90.23.11/CTTC ngày 08/12/2023, với số tiền thuê dài hạn còn phải trả tại ngày 31/12/2024 lần lượt là 271.710.000 đồng và 351.660.000 đồng. Thời hạn cho thuê của các hợp đồng này là 36 tháng, lãi suất xác định bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng hình thức trả lãi sau áp dụng đối với cá nhân do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm giải ngân đầu tiên và các thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 2,6%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Tình hình biến động nợ thuê tài chính dài hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Tiền vay phát sinh	Kết chuyển sang nợ đến hạn trả	Số cuối năm
Nợ thuê tài chính	1.427.115.000	-	(803.745.000)	623.370.000
Cộng	1.427.115.000	-	(803.745.000)	623.370.000

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận, thu khác (*)	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15.951.680.563	19.537.396.851	(15.689.866.040)	19.799.211.374
Cộng	15.951.680.563	19.537.396.851	(15.689.866.040)	19.799.211.374

(*) Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 49/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2024.

19. Vốn chủ sở hữu**19.a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 01 đính kèm.

19.b Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Số cuối năm	Tỷ lệ (%)	Số đầu năm
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	65,00	371.592.000.000	65,00	371.592.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	35,00	200.087.930.000	35,00	200.087.930.000
Cộng	100,00	571.679.930.000	100,00	571.679.930.000

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:	571.679.930.000
Vốn điều lệ đã góp:	571.679.930.000
Vốn điều lệ còn phải góp:	-

19.c Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	571.679.930.000	571.679.930.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	571.679.930.000	571.679.930.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	142.919.982.500	142.919.982.500
Cổ tức, lợi nhuận đã chi	(171.503.979.000)	(114.335.986.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

19.d Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	57.167.993	57.167.993
- Cổ phiếu phổ thông	57.167.993	57.167.993
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	57.167.993	57.167.993
- Cổ phiếu phổ thông	57.167.993	57.167.993
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000/Cp	10.000/Cp

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	1.282.425,58	1.137.364,17

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (RIÊNG) (ĐVT: VND)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng	5.879.978.099.850	4.903.033.690.653
Phí thương hiệu	22.594.867.016	25.483.971.872
Doanh thu dịch vụ và khác	18.891.812.967	9.768.252.133
Cộng	5.921.464.779.833	4.938.285.914.658

Trong đó doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng	39.610.096.279	18.389.232.661
Phí thương hiệu	22.594.867.016	25.483.971.872
Cộng (*)	62.204.963.295	43.873.204.533

(*) Chi tiết doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số VII.3.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chiết khấu thương mại	74.079.473.300	60.713.564.500
Cộng	74.079.473.300	60.713.564.500

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán hàng	4.896.834.015.815	4.210.567.540.317
Giá vốn dịch vụ và khác	1.681.494.157	1.307.806.115
Cộng	4.898.515.509.972	4.211.875.346.432

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	3.822.013.017	1.117.356.358
Cổ tức được chia từ các công ty con	17.254.545.750	33.909.050.400
Lãi chênh lệch tỷ giá	22.806.776.420	17.924.567.135
Doanh thu tài chính khác	379.085.487	454.005.733
Cộng	44.262.420.674	53.404.979.626

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	14.826.296.765	36.703.999.229
Lỗ chênh lệch tỷ giá	7.696.388.892	2.432.719.994
Dự phòng các khoản đầu tư tài chính	520.011.462	364.720.372
Cộng	23.042.697.119	39.501.439.595

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	21.091.737.598	15.475.568.500
Chi phí quảng bá thương hiệu, tiếp thị, hỗ trợ bán hàng	320.760.922.213	217.062.243.229
Chi phí dịch vụ mua ngoài	87.406.443.186	60.656.765.128
Chi phí bằng tiền khác	50.561.852.234	61.212.980.545
Cộng	479.820.955.231	354.407.557.402

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	45.345.026.267	36.018.854.225
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.250.064.270	2.503.315.822
Thuế, phí, lệ phí và tiền thuê đất	3.229.584.960	4.218.697.248
Chi phí dịch vụ mua ngoài	56.808.974.873	44.421.998.185
Chi phí bằng tiền khác	645.008.833	514.748.528
Cộng	109.278.659.203	87.677.614.008

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	1.080.600.001	-
Thu nhập khác	46.425.027	36.129.492
Cộng	1.127.025.028	36.129.492

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí phạt, chậm nộp thuế	5.897.152.984	-
Chi phí khác	5.871.582	63.065.799
Cộng	5.903.024.566	63.065.799

10. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

Chỉ tiêu này không trình bày trên báo cáo (riêng) của Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền vì đây là Công ty mẹ, và được trình bày trên Báo cáo tài chính của Tập đoàn theo quy định tại khoản 3.19, điều 113 của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.570.438.538.061	3.883.257.648.053
Chi phí nhân công	195.704.541.619	159.809.108.594
Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.130.866.973	49.645.800.196
Chi phí dịch vụ mua ngoài	265.958.535.086	160.198.473.701
Chi phí chi phí khác	380.919.330.490	316.643.748.182
Cộng	5.440.151.812.229	4.569.554.778.726

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (ĐVT: VND)**1. Tài sản tiềm tàng**

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản tài sản tiềm tàng.

2. Nợ tiềm tàng

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản nợ tiềm tàng.

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

3.a Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm: Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng)

	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị		
Nguyễn Văn Thiệu - CT.HĐQT	119.500.000	106.000.000
Ngô Văn Đông - TV.HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	904.774.000	756.001.473
Lê Quốc Phong - TV.HĐQT	95.555.000	77.555.000
Đỗ Quang Huy - TV.HĐQT	95.000.000	77.000.000
Mai Thành Phụng - TV.HĐQT	-	47.555.000
(đến ngày 28/04/2023)		
Nguyễn Bảo Vệ - TV.HĐQT	95.555.000	30.000.000
(từ ngày 28/04/2023)		
Cộng	1.310.384.000	1.094.111.473

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Năm nay	Năm trước
Ban Tổng Giám đốc		
Nguyễn Minh Sơn - Phó Tổng giám đốc (đến ngày 31/10/2023)	-	632.253.264
Võ Văn Phú - Phó Tổng giám đốc	758.363.000	592.619.264
Phan Văn Tâm - Phó Tổng giám đốc (từ ngày 17/10/2023)	708.982.833	175.958.000
Trần Ngọc Hùng - Kế toán trưởng	794.363.000	599.893.636
Cộng	2.261.708.833	2.000.724.164
Ban kiểm soát		
Trương Minh Phú - Trưởng BKS	935.581.592	678.000.091
Nguyễn Huy Hiếu - TV. BKS	80.000.000	53.000.000
Quảng Đình Gang - TV. BKS	80.555.000	53.555.000
Cộng	1.096.136.592	784.555.091
Cổ tức trả cho người nội bộ	580.642.000	364.231.000

3.b Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**• Các bên liên quan khác với Công ty gồm:**

Bên liên quan khác	Mối quan hệ với Công ty
Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An	Là công ty con
Công ty CP Bình Điền Lâm Đồng	Là công ty con
Công ty CP Bình Điền Mekong	Là công ty con
Công ty CP Bình Điền Quảng Trị	Là công ty con
Công ty CP Bình Điền Ninh Bình	Là công ty con
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Là công ty mẹ (chiếm 65,00%)
Công ty CP DAP – VINACHEM	Công ty cùng tập đoàn Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
Công ty CP DAP số 2 – VINACHEM	Công ty cùng tập đoàn Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
Công ty CP Xà Phòng Hà Nội	Công ty cùng tập đoàn Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
Công ty CP SX TM DV Mai Xá	Có cùng nhân sự chủ chốt
Công ty CP Chế biến gỗ Đức Thành	Có cùng nhân sự chủ chốt (ông Trần Ngọc Hùng là Trưởng ban kiểm soát)
Công ty CP Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	Có cùng nhân sự chủ chốt (ông Nguyễn Văn Thiệu là Chủ tịch HĐQT)
Công ty CP SX và KD Phân bón Bình Điền II	Có cùng nhân sự chủ chốt (ông Lê Quốc Phong là Chủ tịch HĐQT)
Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Bình Định	Có cùng nhân sự chủ chốt (ông Lê Quốc Phong là Chủ tịch HĐQT)
Công ty CP Cao su Đà Nẵng	Có cùng nhân sự chủ chốt (ông Nguyễn Huy Hiếu là Thành viên HĐQT)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

• Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An		
- Công ty mẹ nhận dịch vụ quảng cáo và quảng bá thương hiệu	25.704.000.000	20.000.000.000
Công ty CP Bình Điền – Lâm Đồng		
- Công ty mẹ thu phí thương hiệu	7.650.958.356	7.259.078.805
- Công ty mẹ ghi nhận cổ tức được chia	11.287.545.750	12.642.050.400
Công ty CP Bình Điền – MeKong		
- Công ty mẹ thu phí thương hiệu	4.005.082.641	3.680.868.870
- Công ty mẹ bán hàng, gia công	40.216.914.981	18.389.232.661
- Công ty mẹ mua hàng hóa	17.302.100.000	18.357.327.700
Công ty CP Cổ phần Bình Điền – Quảng Trị		
- Công ty mẹ thu phí thương hiệu	4.593.445.295	5.303.902.239
- Công ty mẹ ghi nhận cổ tức được chia	5.967.000.000	5.967.000.000
Công ty CP Bình Điền – Ninh Bình		
- Công ty mẹ thu phí thương hiệu	8.152.970.086	9.240.121.958
- Công ty mẹ mua hàng hóa	2.062.500.000	-
- Công ty mẹ ghi nhận cổ tức được chia	-	15.300.000.000
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam		
- Công ty chia trả cổ tức	111.477.600.000	74.318.400.000
Công ty CP DAP - VINACHEM		
- Công ty mua hàng	167.935.956.200	87.626.060.968
Công ty CP DAP số 2 - VINACHEM		
- Công ty mua hàng	13.336.500.000	10.197.000.000
Công ty CP SX TM DV Mai Xá		
- Công ty thu phí gửi kho	-	75.550.000
- Công ty mua hàng	99.163.218.180	57.383.368.485
Công ty CP Xà Phòng Hà Nội		
- Công ty mua hàng	308.700.000	-

• Số dư với các bên liên quan khác đã được trình bày tại thuyết minh số V.2, V.3, V.4, V.12.

4. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Doanh thu của Công ty phát sinh trong kỳ chủ yếu từ hoạt động kinh doanh phân bón các loại.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Năm nay	Nội địa	Xuất khẩu	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.404.636.709.833	1.442.748.596.700	5.847.385.306.533
Giá vốn hàng bán	3.579.799.953.740	1.318.715.556.232	4.898.515.509.972
Lợi nhuận gộp	824.836.756.093	124.033.040.468	948.869.796.561

Năm trước	Nội địa	Xuất khẩu	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.820.629.428.008	1.056.942.922.150	4.877.572.350.158
Giá vốn hàng bán	3.230.362.275.372	981.513.071.060	4.211.875.346.432
Lợi nhuận gộp	590.267.152.636	75.429.851.090	665.697.003.726

5. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản thế chấp cho các đơn vị khác cũng như tài sản nhận thế chấp từ các đơn vị khác tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024.

6. Khả năng hoạt động và kinh doanh liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (riêng) không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính (riêng) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

7. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Công ty không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả kinh doanh (riêng) của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc năm tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



HUỲNH THỊ LAN ANH

TRẦN NGỌC HÙNG

NGÔ VĂN ĐÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023					
Tại ngày 01/01/2023	571.679.930.000	149.568.442.914	10.145.220.457	189.741.183.315	921.134.776.686
Tăng trong năm	-	-	-	191.923.968.514	191.923.968.514
- Lãi trong năm	-	-	-	191.923.968.514	191.923.968.514
Giảm trong năm	-	-	-	(156.282.539.129)	(156.282.539.129)
- Chia cổ tức	-	-	-	(142.919.982.500)	(142.919.982.500)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(13.362.556.629)	(13.362.556.629)
Tại ngày 31/12/2023	571.679.930.000	149.568.442.914	10.145.220.457	225.382.612.700	956.776.206.071
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024					
Tại ngày 01/01/2024	571.679.930.000	149.568.442.914	10.145.220.457	225.382.612.700	956.776.206.071
Tăng trong năm	-	9.596.198.425	-	301.531.429.080	311.127.627.505
- Lãi trong năm	-	-	-	301.531.429.080	301.531.429.080
- Tăng từ phân phối lợi nhuận	-	9.596.198.425	-	-	9.596.198.425
Giảm trong năm	-	-	-	(172.015.577.776)	(172.015.577.776)
- Chia cổ tức từ KQKD năm trước	-	-	-	(142.919.982.500)	(142.919.982.500)
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	(9.596.198.425)	(9.596.198.425)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ KQKD doanh năm trước	-	-	-	(19.499.396.851)	(19.499.396.851)
Tại ngày 31/12/2024	571.679.930.000	159.164.641.339	10.145.220.457	354.898.464.004	1.095.888.255.800

Người lập biểu



HUỲNH THỊ LAN ANH

Kế toán trưởng



TRẦN NGỌC HÙNG

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 3 năm 2025

Tổng Giám đốc



NGÔ VĂN ĐÔNG